

Số: /GPMT-SNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;*

*Căn cứ Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 232/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt, Thủy sản; Nông nghiệp; Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Môi trường; Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;*

*Quyết định số 442/QĐ-SNNMT ngày 26/02/2026 về việc ban hành Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và môi trường; Quyết định số 479/QĐ-SNNMT ngày 03/03/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phân công công tác của Giám đốc Sở và các Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 496/QĐ-SNNMT ngày 05/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các Phòng và tương đương thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;*

*Xét Văn bản số 44 /QLDA-GT ngày 02/02/2026 của Ban quản lý dự án Đầu tư – Hạ tầng xã Kiều Phú về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ở ĐG23/2019, thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội”; Văn bản số 158/QLDA-DA ngày 24/04/2026 của Ban quản lý dự án Đầu tư – Hạ tầng xã Kiều Phú về việc giải trình những nội dung đã bổ sung, chỉnh sửa Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và hồ sơ kèm theo gửi Trung tâm phục vụ hành chính công ngày 29/04/2026.*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho UBND xã Kiều Phú (chủ đầu tư dự án) địa chỉ tại: Thôn thế Trụ, xã Kiều Phú, thành phố Hà Nội, Ban quản lý dự án Đầu tư - Hạ tầng xã Kiều Phú (đại diện chủ đầu tư), địa chỉ tại: Xã Kiều Phú, thành phố Hà Nội, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án: “Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ở ĐG23/2019” tại thôn Ngọc than, xã Kiều Phú, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ở ĐG23/2019.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Ngọc Than, xã Kiều Phú, thành phố Hà Nội.

1.3. Quyết định thành lập:

- UBND xã Kiều Phú (*Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025*).

- Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng xã Kiều Phú

(*Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng trực thuộc UBND xã, phường sau sắp xếp trên cơ sở tổ chức lại các Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng cấp huyện và Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện*).

1.4. Mã số thuế:

1.4.1. Mã số thuế UBND xã Kiều Phú: 0111117934.

1.4.2. Mã số thuế BQLDA ĐT-HT xã Kiều Phú: 0111123832.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án đầu tư:

- Phạm vi cấp phép:

+ Thu hồi, giải phóng mặt bằng trên khu đất thực hiện dự án

+ Xây dựng hạ tầng kỹ thuật dự án.

+ Phạm vi cấp phép của Dự án không bao gồm hoạt động xây dựng nhà ở liền kề, nhà ở xã hội, trường mầm non.

- Quy mô xây dựng: Đầu tư xây dựng HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ở ĐG23/2019 gồm các hạng mục đầu tư xây dựng chủ yếu: Giải phóng mặt bằng; san nền; đường giao thông, hè đường, cây xanh, an toàn giao thông; hệ thống cấp nước,

thoát nước, PCCC; hệ thống cấp điện sinh hoạt, chiếu sáng; bãi đỗ xe; bó ống kỹ thuật.

- Quy mô sử dụng đất: Tổng diện tích đất thực hiện dự án: 33.210,37 m<sup>2</sup>, bao gồm: 04 ô đất nhà ở liền kề có diện tích khoảng 9.438,86m<sup>2</sup>; 01 ô đất nhà ở liền kề có diện tích khoảng 4.153,61 m<sup>2</sup>; Đất giáo dục – trường mầm non có diện tích khoảng 1.539,95 m<sup>2</sup>; Đất cây xanh sử dụng công cộng có diện tích khoảng 2.052,64 m<sup>2</sup>; Đất giao thông khoảng 13.688,51 m<sup>2</sup>. Đất bãi đỗ xe tập trung có diện tích khoảng 2.336,80 m<sup>2</sup>.

- Nhóm dự án: Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

*(theo Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND huyện Quốc Oai về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Quốc Oai, Quyết định số 4473/QĐ-UBND ngày 25/06/2025 của UBND huyện Quốc Oai về việc phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 của dự án).*

- Dự án có tiêu chí tương đương dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2 Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của UBND xã Kiều phú, Ban quản lý Đầu tư – Hạ tầng xã Kiều Phú:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. UBND xã Kiều Phú, Ban quản lý Đầu tư – Hạ tầng xã Kiều Phú có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày ..... tháng .... năm 2026 đến ngày.....tháng.....năm 2036).

**Điều 4.** Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Kiều Phú và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- UBND Thành phố; | (đề b/cáo)
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở Nguyễn Minh Tấn;
- Cổng thông tin điện tử của Sở NN&MT;
- UBND xã Kiều Phú;
- Ban quản lý dự án Đầu tư – Hạ tầng xã Kiều Phú;
- Lưu: VT, HS;
- MHS H26.103-260202-101532

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Minh Tấn**

## PHỤ LỤC 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT

ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà ở liền kề.
- + Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà ở xã hội.
- + Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt từ công trình giáo dục - trường mầm non.

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

###### 2.1. Dòng nước thải:

01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm xả ra tuyến cống thoát nước trên đường Bắc Nam kéo dài thuộc địa phận thôn Ngọc Than, xã Kiều Phú, thành phố Hà Nội.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ ga đầu nối với tuyến cống thoát nước D300 trên đường Bắc Nam kéo dài thuộc địa phận thôn Ngọc Than, xã Kiều Phú, Hà Nội.

###### 2.3. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: 01 điểm xả nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm thoát ra tuyến cống thoát nước D300 trên đường Bắc Nam kéo dài thuộc địa phận thôn Ngọc Than, xã Kiều Phú, Hà Nội.

-Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiều 3°): X = 2321638; Y = 564236

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:

Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT, cột B, bảng 2 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung và QCVN 40:2025/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (đối với chỉ tiêu Clo dư và Cloroform); cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5 - 9		

2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ở 20 <sup>0</sup> C)	mg/l	≤ 35	01 năm/lần (*)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện (**)
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	≤ 90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 60		
5	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ), tính theo N	mg/l	≤ 8,0		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 30		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 6,0		
8	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 5000		
9	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/l	≤ 0,5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 15		
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0		
12	Cloroform	mg/l	≤ 0,8		
13	Clo dư	mg/l	≤ 2,0		

(\*): Chủ đầu tư chủ động thực hiện Chương trình quan trắc đối với nước thải sau xử lý để phục vụ công tác quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải.

(\*\*): Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Thiết kế hệ thống thu gom nước thải của Dự án riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà ở liền kề, bao gồm: Nước thải xí, tiểu xử lý sơ bộ qua bể tự hoại; nước thải thoát sàn, lavabor; nước thải nhà bếp xử lý sơ bộ tách mỡ.

+ Nước thải sau xử lý sơ bộ → Công BTCT D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà ở xã hội, gồm: Nước thải xí, tiểu xử lý sơ bộ qua bể tự hoại; nước thải thoát sàn, lavabor; nước thải nhà bếp xử lý sơ bộ tách mỡ.

+ Nước thải sau xử lý sơ bộ → Cống BTCT D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ công trình giáo dục - trường mầm non, gồm: Nước thải xí, tiểu xử lý sơ bộ qua bể tự hoại; nước thải thoát sàn, lavabor; nước thải nhà bếp xử lý sơ bộ tách mỡ.

+ Nước thải sau xử lý sơ bộ → Cống BTCT D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Hệ thống nước thải trước mắt được thu gom xử lý đảm bảo theo tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật, vệ sinh môi trường trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố, khi hệ thống thoát nước thải Nam Quốc Oai được đầu tư xây dựng hoàn thiện, chủ dự án có trách nhiệm đầu nối nước thải của Dự án vào hệ thống thoát nước thải của Thành phố theo đúng quy hoạch.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Vị trí: Đặt ngầm gần khu vực bãi đỗ xe.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sau xử lý sơ bộ → Ngăn tách mỡ, tách rác → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí - MBBR → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

+ Công trình được thiết kế chia 02 modul: modul 1 công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm, modul 2 công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Công suất thiết kế: 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javel (hoặc các hóa chất tương đương không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này)

+ Công nghệ xử lý: Công nghệ sinh học AO kết hợp MBBR.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Có biện pháp ứng phó sự cố kỹ thuật đối với hệ thống xử lý nước thải trong trường hợp hệ thống hoạt động không đạt yêu cầu hoặc ngừng hoạt động, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến các thiết bị, máy móc hoặc vận hành.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc thiết bị để có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời tránh xảy ra sự cố.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải; lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

### **2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:**

Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải được tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Chủ dự án đầu tư quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng và phải bảo đảm đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu:**

- 01 mẫu nước thải đầu vào trước bể điều hòa của Hệ thống xử lý nước thải.

- 01 mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (sau bể khử trùng).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

## **3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý mùi phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải:**

Mùi phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm phải được thu gom bằng hệ thống đường ống, qua tháp hấp phụ (bằng than hoạt tính), sử dụng quạt hút công suất 600 m<sup>3</sup>/giờ sau đó xả ra môi trường.

## **4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

4.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các thông số tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

4.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải của dự án.

4.3 Thông báo thời điểm vận hành thử nghiệm tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội theo quy định tại khoản 5 và thực hiện trách nhiệm trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 7 Điều 31

Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

4.4. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải trong trường hợp có sự cố về chất lượng nước thải sau xử lý, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm quy định tại Giấy phép này trước khi xả ra môi trường.

4.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

4.6. Chủ đầu tư: UBND xã Kiều Phú, Ban quản lý dự án Đầu tư – Hạ tầng xã Kiều Phú chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải vượt giới hạn cho phép tại Giấy phép này.

4.7. Vận hành sau đầu tư: Chủ đầu tư có trách nhiệm xây dựng và bàn giao cho đơn vị tiếp nhận (nếu có) quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn, CTNH. Đảm bảo nước thải và chất thải được quản lý đúng theo quy định, đạt quy chuẩn môi trường hiện hành.

## PHỤ LỤC 2

### YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-SNNMT ngày tháng năm 2026  
của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

#### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

##### 1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

<i>TT</i>	<i>Tên chất thải</i>	<i>Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)</i>	<i>Mã CTNH</i>	<i>Khối lượng (kg/năm)</i>
<b>I</b>	<b>Từ quá trình sinh hoạt</b>			<b>88,0</b>
1	Giẻ lau, găng tay dính chất thải nguy hại	rắn	18 02 01	15
2	Hộp mực in thải	rắn	08 02 04	2
3	Pin, ắc quy thải	rắn	16 01 12	20
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	rắn	16 01 13	23
5	Bao bì nhựa thải chứa thành phần nguy hại (thùng đựng hóa chất xử lý nước thải, đựng dầu mỡ)	rắn	18 01 03	28
<b>II</b>	<b>Từ trạm XLNT</b>			
6	Than hoạt tính thải bỏ	rắn	12 01 04	180
	<b>Tổng</b>			<b>268,0</b>

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 320,34 tấn/năm.
- Tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh từ khu cây xanh, sân đường: 57,45 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung lớn nhất khoảng 4,015 tấn/năm.

##### 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

2.1.1. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Bố trí kho chứa CTNH có diện tích khoảng 15 m<sup>2</sup>. Vị trí đặt kho: nằm cạnh trạm xử lý nước thải của dự án.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kết cấu BTCT, có mái tôn che, không phát tán, rò rỉ, dẫn nhãn cảnh báo CTNH khu vực lưu giữ CTNH theo quy định.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Khu vực/kho lưu chứa:

- Đối với bùn của hệ thống xử lý nước thải: lưu tại bể chứa bùn, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chủ Dự án/đơn vị đơn vị được giao quản lý sẽ thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất 06 - 12 tháng/lần).

2.2.2. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Kho/khu vực lưu chứa: Bố trí 01 điểm tập kết chất thải rắn diện tích khoảng 20-50 m<sup>2</sup> ở khu đất cây xanh để tập kết chất thải từ các khu vực.

2.3.3. Biện pháp quản lý: Chất thải rắn được phân loại tại nguồn, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Tuân thủ nghiêm túc việc phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

### PHỤ LỤC 3

#### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-SNNMT ngày .../03/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

##### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

##### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

##### **C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trong quá trình triển khai xây dựng Dự án phải thực hiện theo Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 16/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc tăng cường quản lý phá dỡ, thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu, phế thải và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên trong quá trình thi công xây dựng; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng, vận hành dự án.

2. Quá trình thi công xây dựng Dự án phải thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 2530/QĐ-TTg ngày 19/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch hành động Quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 05/05/2026 về việc tăng cường các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thi công các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn Thành phố

3. Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2025/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2025/BTNMT (Bảng 2 - Khu vực thông thường) về độ rung.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đảm bảo khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh

hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng của Dự án phải được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định; Nước thải thi công phải được thu gom, xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

6. Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án phải được thu gom và xử lý qua Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

7. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy định hiện hành trước khi xả thải ra môi trường.

8. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

9. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

12. Đảm bảo nguồn kinh phí vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

13. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

14. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.